

Số: 40/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị N, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã 4, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn N1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị N và anh Trần Văn N1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ *Về hôn nhân*: Chị Mai Thị N và anh Trần Văn N1 thống nhất thuận tình ly hôn.

+ *Về con chung*:

Chị Mai Thị N thống nhất giao cháu Trần Mai Thị B, sinh ngày 28/6/2017 cho anh Trần Văn N1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Mai Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Văn N1 không yêu cầu.

Anh Trần Văn N1 thống nhất giao cháu Trần Mai Thị N2, sinh ngày 10/3/2020 cho chị Mai Thị N được nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Trần Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Mai Thị N không yêu cầu.

Chị Mai Thị N, anh Trần Văn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị Mai Thị N, anh Trần Văn N1 cùng các thành viên gia đình không cản trở anh N1, chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ *Về tài sản chung*: Do chị N rút phần yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung của chị N. Chị N được nhận lại án phí theo quy định.

+ *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí*:

Chị Mai Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.958.000 đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001429 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Mai Thị N được nhận lại số tiền 2.808.000 đồng (Hai triệu, tám trăm linh tám nghìn đồng).

Anh Trần Văn N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Tân Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Kim Trinh